

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 3/2022

HỎI – ĐÁP

- Về thuế GTGT
- Về thuế Thu nhập cá nhân

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

- Về thuế
- Về xuất nhập khẩu
- Về bảo hiểm xã hội

CÁC QUY ĐỊNH KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN; QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Thông tư số 24/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Sửa đổi, bổ sung một số điều của hệ thống tài khoản kế toán và chế độ báo cáo tài chính các tổ chức tín dụng tại Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Các quy định về xử phạt hành chính mới ban hành.

CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- Thông tư số 05/2022/TT-BTC ngày 08/2/2022 thay mới Quy chế tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước trước khi cổ phần hóa.
- Thông tư số 07/2022/TT-BTC ngày 09/2/2022 về việc thay mới thủ tục bàn giao nợ và tài sản loại trừ của doanh nghiệp cổ phần hóa.
- Thông tư số 09/2022/TT-BTC ngày 14/2/2022 về việc sửa đổi Quy chế thẩm định khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước.
- Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28/2/2022 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/1/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ.

1. Được giảm thuế VAT còn 8% nhưng “lỡ” xuất hóa đơn 10% thì phải làm gì?

Tại Nghị định 15/2022/NĐ-CP, Chính phủ không quy định giảm thuế VAT đồng loạt xuống còn 8% với tất cả các mặt hàng, dịch vụ mà đưa ra một Danh mục loại trừ một số hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện được giảm.

Do đó, công việc của kế toán trong các doanh nghiệp là cần phải rà soát, đối chiếu, kiểm tra hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp mình có nằm trong danh mục đó hay không và kế toán phải biết chính xác doanh nghiệp mình có thuộc diện được giảm thuế suất xuống còn 8% hay vẫn áp dụng mức 10% như cũ. Từ thực tế đó dẫn đến tình trạng nhiều kế toán đã xuất hóa đơn là 10% nhưng sau đó mới phát hiện là doanh nghiệp được giảm thuế còn 8%, nên lo lắng không biết có bị cơ quan thuế phạt hay không và cần phải làm gì để xử lý hóa đơn đã xuất nhầm này? Vậy **Cách xử lý khi xuất hóa đơn 10% cho hàng hóa được giảm thuế còn 8%:**

Vấn đề này được quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định 15/2022/NĐ-CP, theo đó: Nếu doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh đã lập hóa đơn và đã kê khai theo mức thuế suất 10% (mức chưa được giảm) thì:

1) Người bán và người mua phải lập biên bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ sai sót

2) Người bán lập hóa đơn điều chỉnh sai sót và giao hóa đơn điều chỉnh cho người mua

3) Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, người bán kê khai điều chỉnh thuế đầu ra, người mua kê khai điều chỉnh thuế đầu vào (nếu có).

Như vậy, khi lỡ xuất hóa đơn theo thuế suất VAT 10% cho hàng hóa, dịch vụ thuộc diện được giảm thuế suất còn 8%, kế toán cần thực hiện 03 việc trên. Trong đó quan trọng nhất cần có sự thỏa thuận giữa cả người bán và người mua.

Cũng theo hướng dẫn của Nghị định 15/2022/NĐ-CP tại khoản 6 Điều 1, trường hợp doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng được giảm thuế VAT đã phát hành hóa đơn đặt in dưới hình thức vé có in sẵn mệnh giá chưa sử dụng hết và có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì đóng dấu theo giá đã giảm 2% hoặc giá đã giảm 20% mức tỷ lệ bên cạnh tiêu thức giá in sẵn để tiếp tục sử dụng.

2. Có bị xử phạt nếu được giảm thuế 8% nhưng vẫn xuất hóa đơn 10%?

Hiện nay, chưa có quy định cụ thể về việc xử phạt liên quan đến việc doanh nghiệp thuộc diện được giảm thuế VAT nhưng vẫn xuất hóa đơn theo đúng mức suất chưa được giảm.

Trên thực tế, thuế VAT là thuế đánh trực tiếp vào “túi tiền” của người mua, việc người bán không xuất hóa đơn theo mức thuế được giảm thì người mua là người bị thiệt, khoản thu của Nhà nước không bị ảnh hưởng mà còn được gia tăng theo mức thuế suất không giảm.

Tuy nhiên, chính sách giảm thuế VAT là chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Do đó, Tổng cục Thuế vừa ra Công điện số 02/CĐ-TCT yêu cầu giám sát chặt chẽ việc thực hiện chính sách này. Trường hợp cố tình vi phạm sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.



3. Xử lý thuế suất VAT đối với hàng tồn kho thế nào?

Căn cứ Điều 2 Luật Thuế giá trị gia tăng, về bản chất, thuế GTGT là loại thuế gián thu, thuế này được cộng vào giá bán hàng hoá, dịch vụ và do người tiêu dùng cuối cùng trả khi mua, sử dụng hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đó. Đồng nghĩa, DN chỉ nộp thuế GTGT thay cho người tiêu dùng.

Khi hàng hoá được mua với thuế VAT đầu vào 10% thì trong kỳ tính thuế, DN sẽ được hoàn thuế, khấu trừ thuế GTGT. Tương tự, khi mặt hàng, dịch vụ được giảm thuế còn 8% thì khi xuất hoá đơn, người phải nộp thuế 8% là người tiêu dùng cuối cùng mà không phải DN. DN chỉ có vai trò là người nộp thuế thay cho người tiêu dùng vào ngân sách Nhà nước.

Như vậy, với 1 số mặt hàng tồn kho, mặc dù thuế VAT đầu vào DN, người bán hàng đã phải mua với hoá đơn GTGT 10% nhưng thuế suất này đã được khấu trừ, hoàn thuế. Do đó, khi đầu ra chỉ xuất hoá đơn VAT 8% thì không ảnh hưởng đến doanh thu của DN, người bán hàng đó.

Do đó, nếu mặt hàng, dịch vụ của DN thuộc diện được giảm trừ thuế VAT xuống còn 8% thì dù hàng tồn kho khi mua đầu vào chịu thuế GTGT 10%, DN vẫn phải xuất hoá đơn VAT 8% theo quy định tại Nghị định 15/2022/NĐ-CP.

4. Người làm hai nơi quyết toán thuế thu nhập cá nhân như thế nào? Được ủy quyền hay trực tiếp quyết toán thuế?

Khi người lao động nắm rõ quy định quyết toán thuế thu nhập cá nhân cho người làm 2 nơi sẽ biết cách ủy quyền cho nơi trả thu nhập hoặc tự mình trực tiếp thực hiện thủ tục quyết toán thuế tại cơ quan thuế.

Được ủy quyền hay trực tiếp quyết toán thuế?

Tùy vào từng trường hợp mà cá nhân làm việc tại nhiều nơi có thể được ủy quyền quyết toán thuế cho nơi trả thu nhập hoặc phải trực tiếp quyết toán với cơ quan thuế. Nội dung này được quy định tại tiết d.2 điểm d khoản 6 Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP và Công văn 636/TCT-DNNCN như sau:

“d.2) Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công ủy quyền quyết toán thuế cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập, cụ thể như sau:

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một nơi và thực tế đang làm việc tại đó vào thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu

nhập quyết toán thuế, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm; đồng thời có thu nhập vắng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.”.

Như vậy, cá nhân làm việc tại 02 nơi được ủy quyền cho nơi ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên nếu có đủ điều kiện sau:

- Ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại 01 nơi và thực tế đang làm việc tại nơi đó vào thời điểm quyết toán thuế.

- Có thu nhập vắng lai tại 01 nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng và đã được khấu trừ theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu quyết toán đối với phần thu nhập này.

Đồng nghĩa với việc: Cá nhân làm việc tại 02 nơi nhưng không được ủy quyền cho nơi ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên trong các trường hợp sau:

- Nếu có nhu cầu quyết toán thuế đối với phần thu nhập vắng lai.

- Tại thời điểm ủy quyền quyết toán mà cá nhân đó không còn làm việc ở nơi ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên.



5. Mức phạt khi chậm quyết toán thuế Thu nhập cá nhân 2022?

Mức phạt khi chậm quyết toán thuế thu nhập cá nhân được chia thành các mức khác nhau. Mức phạt tiền khi chậm khai, nộp hồ sơ khai thuế có thể lên đến 25 triệu đồng nếu quá thời hạn trên 90 ngày.

Định kỳ hàng năm người nộp thuế có nghĩa vụ khai, nộp hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân theo quy định. Trường hợp chậm nộp hồ sơ khai thuế sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định Điều 13 Nghị định 125/2020/NĐ-CP, cụ thể:

TT	Hành vi vi phạm	Hình thức xử phạt chính	Hình thức xử phạt bổ sung	Căn cứ pháp lý
1	Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn từ 01 ngày đến 05 ngày và có tình tiết giảm nhẹ	Cảnh cáo		Khoản 1 Điều 13 Nghị định 125/2020/NĐ-CP
2	Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn từ 01 ngày đến 30 ngày, trừ trường hợp (1)	Từ 02 - 05 triệu đồng	Buộc nộp đủ số tiền chậm nộp tiền thuế vào ngân sách trong trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ khai thuế dẫn đến chậm nộp tiền thuế	Khoản 2 Điều 13 Nghị định 125/2020/NĐ-CP
3	Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ 31 ngày đến 60 ngày	Từ 05 - 08 triệu đồng		Khoản 3 Điều 13 Nghị định 125/2020/NĐ-CP
4	- Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ 61 đến 90 ngày. - Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ 91 ngày trở lên nhưng không phát sinh số thuế phải nộp. - Không nộp hồ sơ khai thuế nhưng không phát sinh số thuế phải nộp (*). - Không nộp các phụ lục theo quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết kèm theo hồ sơ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (**)	Từ 08 - 15 triệu đồng	- Buộc nộp đủ số tiền chậm nộp tiền thuế vào ngân sách trong trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ khai thuế dẫn đến chậm nộp tiền thuế. - Trường hợp (*) và (**) phải nộp hồ sơ khai thuế, phụ lục kèm theo hồ sơ khai thuế.	Khoản 4, 6 Điều 13 Nghị định 125/2020
5	Nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn trên 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế, có phát sinh số thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế. Lưu ý: Trường hợp số tiền phạt nếu áp dụng theo khoản này lớn hơn số tiền thuế phát sinh trên hồ sơ khai thuế thì số tiền phạt tối đa đối với trường hợp này bằng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên hồ sơ khai thuế nhưng không thấp 11,5 triệu đồng.	Từ 15 - 25 triệu đồng	Buộc nộp đủ số tiền chậm nộp tiền thuế vào ngân sách trong trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ khai thuế dẫn đến chậm nộp tiền thuế	Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 13 Nghị định 125/2020

Lưu ý: Trường hợp cá nhân có phát sinh hoàn thuế thu nhập cá nhân nhưng chậm nộp tờ khai quyết toán thuế theo quy định thì không áp dụng phạt đối với vi phạm hành chính khai quyết toán thuế quá thời hạn (theo khoản 4 Điều 28 Thông tư 111/2013/TT-BTC và Công văn 636/TCT-DNNCN).

Chậm nộp tiền phạt bị xử lý thế nào?

Người nộp thuế chậm khai, nộp hồ sơ quyết toán thuế theo quy định bị xử phạt vi phạm hành chính mức phạt như trên. Sau khi nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì người nộp thuế có nghĩa vụ nộp tiền phạt theo đúng thời hạn được nêu trong quyết định. Trường hợp chậm nộp tiền phạt sẽ bị tính thêm tiền chậm nộp.

Mức nộp tiền chậm nộp tiền phạt được quy định rõ tại khoản 1 Điều 42 Nghị định 125/2020/NĐ-CP như sau:

“a) Tổ chức, cá nhân chậm nộp tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì bị tính tiền chậm nộp tiền phạt theo mức 0,05%/ngày tính trên số tiền phạt chậm nộp.

b) Số ngày chậm nộp tiền phạt bao gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ theo chế độ quy định và được tính từ ngày kế tiếp ngày hết thời hạn nộp tiền phạt đến ngày liền kề trước ngày tổ chức, cá nhân nộp tiền phạt vào ngân sách nhà nước.”.

Như vậy, ngoài việc nộp tiền phạt trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì người chậm nộp còn phải nộp thêm một khoản tiền chậm nộp. Mức tiền chậm nộp được tính như sau:

Tiền chậm nộp 01 ngày = $0,05\% \times$ Số tiền chậm nộp

Trên đây là mức phạt khi chậm quyết toán thuế thu nhập cá nhân 2022. Để tránh vi phạm và bị xử phạt vi phạm hành chính thì người nộp thuế cần thực hiện trước ngày 31/03/2022 đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập; trước ngày 30/4/2022 đối với cá nhân thuộc đối tượng trực tiếp quyết toán tại cơ quan thuế (dù hạn cuối phải khai, nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo Công văn 636/TCT-DNNCN là ngày 02/5/2022).



➔ Liên hệ

Website: cpavietnam.vn
Hotline: 024 3202 6888

1. Công văn số 36/TCT-CS ngày 06/01/2022 và công văn số 137/TCT-CS ngày 13/01/2022 về chính sách ưu đãi thuế TNDN:

Nếu doanh nghiệp có dự án đầu tư mà trước 01/01/2015 chưa thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư (theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP) thì doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế cho thời gian còn lại kể từ ngày 27/12/2015 (ngày Nghị định 118/2015/NĐ-CP có hiệu lực thi hành).

Nếu trong cùng một thời gian, doanh nghiệp vừa được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện về ưu đãi chế biến, nông sản, thủy sản, vừa đáp ứng điều kiện ưu đãi khác (ngoài điều kiện về chế biến nông sản, thủy sản) thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi thuế có lợi nhất tương ứng với một điều kiện ưu đãi.

2. Công văn số 346/TCT-DNNCN ngày 09/02/2022 hướng dẫn khai thuế thay, nộp thuế thay đối với khoản thường khuyến mại, chiết khấu thương mại cho hộ khoán

Ngày 09/02/2022 Tổng cục thuế ban hành Công văn số 346/TCTDNNCN hướng dẫn khai thuế thay, nộp thuế thay đối với khoản thường khuyến mại, chiết khấu thương mại cho hộ khoán, Cụ thể: Hiện nay, khái niệm về chiết khấu thương mại vẫn đang áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 14 ban hành tại Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC. Theo đó, "chiết khấu thương mại" là khoản giảm giá dành cho khách mua hàng với số lượng lớn.

Nguyên tắc kế toán áp dụng cho khoản chiết khấu thương mại được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 81 Thông tư số 200/2014/TT-BTC như sau: "Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản chiết khấu thương mại cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã trừ chiết khấu thương mại) thì doanh nghiệp (bên bán hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại (doanh thu thuần)."

Như vậy, nếu khoản chiết khấu thương mại đã giảm trừ trực tiếp trên hóa đơn thì khoản này không được phản ánh trên Tài khoản 521 - Các khoản giảm trừ doanh thu. Ngoài ra, văn bản còn hướng dẫn các vấn đề sau:

- Thuế suất đối với hoạt động phân phối, cung cấp hàng hóa của cá nhân kinh doanh
- Thời điểm áp dụng đối với trách nhiệm khai thay, nộp thay theo Thông tư số 40/2021/TT-BTC;
- Về chính sách thuế đối với trúng thưởng từ khuyến mại.

Theo Công văn này, trường hợp đối với mặt hàng thuộc diện không chịu thuế GTGT thì nếu chiết khấu thương mại cho hộ kinh doanh sẽ phải nộp thay 0,5% thuế TNCN theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 7 Nghị định 126/2020/NĐ-CP và áp dụng kể từ ngày 01/08/2021.

Đối với khoản thường khuyến mại, chỉ tính nộp thuế TNCN phần vượt trên 10 triệu đồng theo hướng dẫn tại Điều 15 và điểm g khoản 1 Điều 25 Thông tư 111/2013/TT-BTC.



3. Công văn số 86/TCT-CS ngày 11/01/2022 về chính sách tiền thuê đất:

Nếu người thuê đất đã bàn giao đất/mặt bằng cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng UBND cấp tỉnh chưa ban hành quyết định thu hồi đất thì người thuê đất phải trả tiền thuê đất đến khi có quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền. Nếu người sử dụng đất trong khu vực thu hồi đồng ý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất và đã có biên bản bàn giao đất thực tế cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước thời hạn quy định thì Cục thuế báo cho UBND cấp có thẩm quyền để xác định thời hạn thu hồi đất của Quyết định thu hồi đất theo thực tế và phù hợp quy định của pháp luật để làm cơ sở đó xác định tiền thuê đất đúng quy định. Nếu UBND cấp tỉnh đã có quyết định thu hồi đất nhưng người thuê đất chưa bàn giao mặt bằng/ đất cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền (thực tế người thuê đất vẫn đang sử dụng đất) thì với khoảng thời gian sử dụng đất từ thời điểm có quyết định thu hồi đất đến ngày bàn giao đất cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người sử dụng đất phải nộp tiền thuê đất hàng năm và không được ổn định đơn giá thuê đất theo quy định.

4. Công văn số 642/TCHQ - TXNK ngày 25/02/2022 về việc thực hiện kê khai thuế suất thuế GTGT, xác định tên và áp dụng mã HS của hàng hóa nhập khẩu không được giảm thuế theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP

Ngày 25/02/2022 Tổng cục Hải quan ban hành Công văn số 642/TCHQ-TXNK đã giải thích rõ:

Hàng hóa nhập khẩu không được giảm 2% thuế GTGT là hàng hóa nêu tại cột 8 "tên sản phẩm" và một số trường hợp được mô tả nội dung sản phẩm tại cột 9 "nội dung" của Phụ lục I, phần A Phụ lục III hoặc tại cột 3 "hàng hóa" phần B Phụ lục III hoặc hàng hóa nhập khẩu chịu thuế TTĐB thuộc Phụ lục II Nghị định 15/2022/NĐ-CP.

Đối với hàng hóa không được giảm thuế GTGT nêu tại các Phụ lục I, II, III Nghị định 15/2022/NĐCP, nếu thuộc diện không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT 5% theo quy định của Luật thuế GTGT thì vẫn được kê khai thuế theo Luật thuế GTGT.

Mục 3 Công văn này còn hướng dẫn xác định hàng hóa không được giảm thuế GTGT trong trường hợp Danh mục: chỉ nêu số Chương HS; chỉ chi tiết đến số Nhóm; chỉ chi tiết đến số Phân nhóm hoặc chi tiết đến mã HS 8 chữ số và trường hợp tại mã HS có ký hiệu (*).

5. Công văn số 466/TCHQ – TXNK ngày 15/2/2022 về vướng mắc thực hiện chương trình ưu đãi thuế linh kiện ô tô

Ngày 15/02/2022 Tổng cục hải quan ban hành Công văn số 466/TCHQ-TXNK về vướng mắc thực hiện Chương trình ưu đãi thuế linh kiện ô tô, Cụ thể:

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị định 57/2020/NĐ-CP, đối với linh kiện, vật tư nhập khẩu để sản xuất, lắp ráp sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ô tô, sẽ không được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu nếu sản phẩm chỉ được lắp ráp đơn thuần với nhau bằng những thiết bị đơn giản như vít, bu lông, đinh tán... mà không trải qua bất kỳ công đoạn gia công, sản xuất nào.

Theo Tổng cục Hải quan, trường hợp sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ô tô vừa trải qua quá trình sản xuất, gia công vừa thực hiện lắp ráp đơn thuần nếu đáp ứng các tiêu chí tại điểm c1 khoản 2 Điều 1 Nghị định 57/2020/NĐ-CP đồng thời linh kiện, vật tư nhập khẩu thuộc loại trong nước chưa sản xuất thì vẫn được ưu đãi thuế.

Về sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ô tô, xem danh mục ban hành tại mục IV Phụ lục ban hành kèm Nghị định 111/2015/NĐ-CP.



6. Công văn số 519/BHXX – CST ngày 11/2/2022 về việc in thẻ BHYT theo mẫu mới

Ngày 11/02/2021 Bảo hiểm xã hội TP.HCM ban hành Công văn số 519/BHXX-CST về việc in thẻ BHYT theo mẫu mới, Cụ thể:

BHXX TP. HCM thông báo kể từ ngày 11/02/2022, các trường hợp sau đây sẽ được cấp thẻ BHYT mẫu mới theo Quyết định số 1666/QĐ-BHXX ngày 03/12/2020:

- (i) Cấp thẻ BHYT cho người mới tham gia lần đầu;
- (ii) Cấp lại thẻ BHYT do mất, hỏng, thay đổi thông tin ghi trên thẻ.

So với mẫu cũ, mẫu thẻ BHYT mới có một số thay đổi như: mã số trên thẻ BHYT chỉ có 10 ký tự thay vì mẫu cũ 15 ký tự; không thể hiện địa chỉ của người tham gia, chỉ thể hiện nơi cấp; mã mức hưởng BHYT được chuyển xuống cùng dòng thể hiện ngày tháng năm sinh; thay dấu phiên hiệu từ của BHXX Thành phố bằng dấu phiên hiệu của BHXX Việt Nam.

Các thẻ BHYT mẫu cũ đã được cấp trước 11/02/2022 vẫn tiếp tục được sử dụng song hành cùng thẻ BHYT mới và có giá trị như nhau.

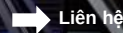
7. Công văn số 651/BHXX – CĐBHXX ngày 01/3/2022 về việc giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động điều trị covid – 19

Ngày 01/03/2022 Bảo hiểm xã hội TP.Hà Nội ban hành Công văn 651/BHXX-CĐBHXX về giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động điều trị covid-19, Cụ thể:

Tiếp nhận hồ sơ giải quyết chế độ BHXH đối với người điều trị Covid-19 theo quy định, thực hiện giải quyết kịp thời, không để hồ sơ chậm muộn, nghiêm cấm việc gây phiền hà, khó khăn đối với người lao động;

Chủ động phối hợp với Trung tâm y tế các quận, huyện, thị xã hướng dẫn các Trạm y tế xã, phường, thị trấn có trách nhiệm cấp kịp thời Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH đối với người lao động điều trị Covid-19 (Fo) và hướng dẫn các Trạm y tế cập nhật thông tin người điều trị Covid-19 đã được cấp Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH lên Cổng thông tin giám định BHYT của BHXH Việt Nam theo quy định.

Hướng dẫn người lao động đến cơ sở khám chữa bệnh điều trị bệnh nhân để hoàn thiện và cấp Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH theo quy định.VĂN



Website: cpavietnam.vn
Hotline: 024 3202 6888

1. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Thông tư số 24/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/04/2022, Trong đó đáng lưu ý là điều kiện đối với tổ chức kiểm toán độc lập được phép thực hiện kiểm toán:

- Phải thuộc danh sách tổ chức kiểm toán và danh sách kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng theo công bố của Bộ Tài chính.

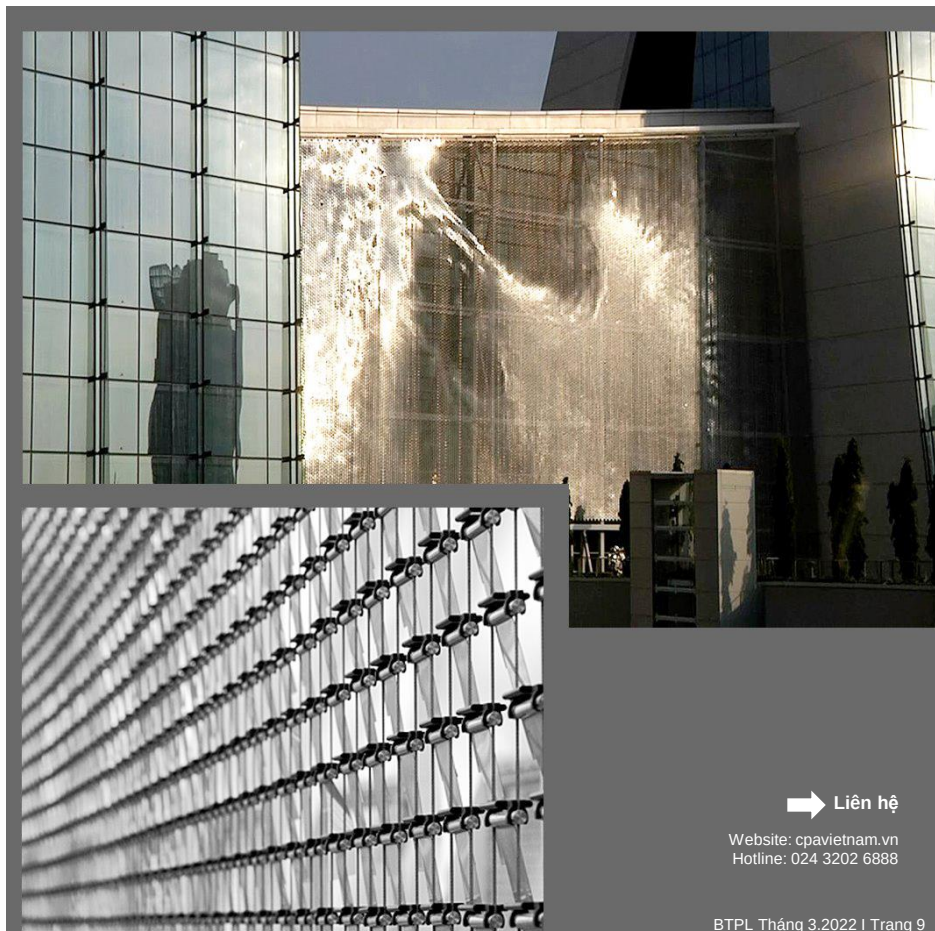
- Nếu đơn vị được kiểm toán là đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán thì phải thuộc danh sách tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo công bố của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (trước đây chỉ cần không trong danh sách không được kiểm toán do Ngân hàng nhà nước công bố.)

- Đối với tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân: bổ sung điều kiện không kiểm toán độc lập chính đơn vị đó trong thời gian 05 năm liên tiếp liền kề trước năm kiểm toán.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của hệ thống tài khoản kế toán và chế độ báo cáo tài chính các tổ chức tín dụng tại Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/04/2022, theo đó: (i) Bổ sung, sửa tên một số tài khoản cấp II, cấp III và quy định nội dung hạch toán của các tài khoản này; (ii) Bổ sung, sửa đổi một số chỉ tiêu trên các báo cáo tài chính và các nội dung thuyết minh tương ứng; (iii) Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ: “Bảng cân đối kế toán” bằng “Báo cáo tình hình tài chính”; “Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh” bằng “Báo cáo kết quả hoạt động”; “cổ đông thiểu số” bằng “cổ đông không kiểm soát”,

...

**Liên hệ**

Website: cpavietnam.vn
Hotline: 024 3202 6888

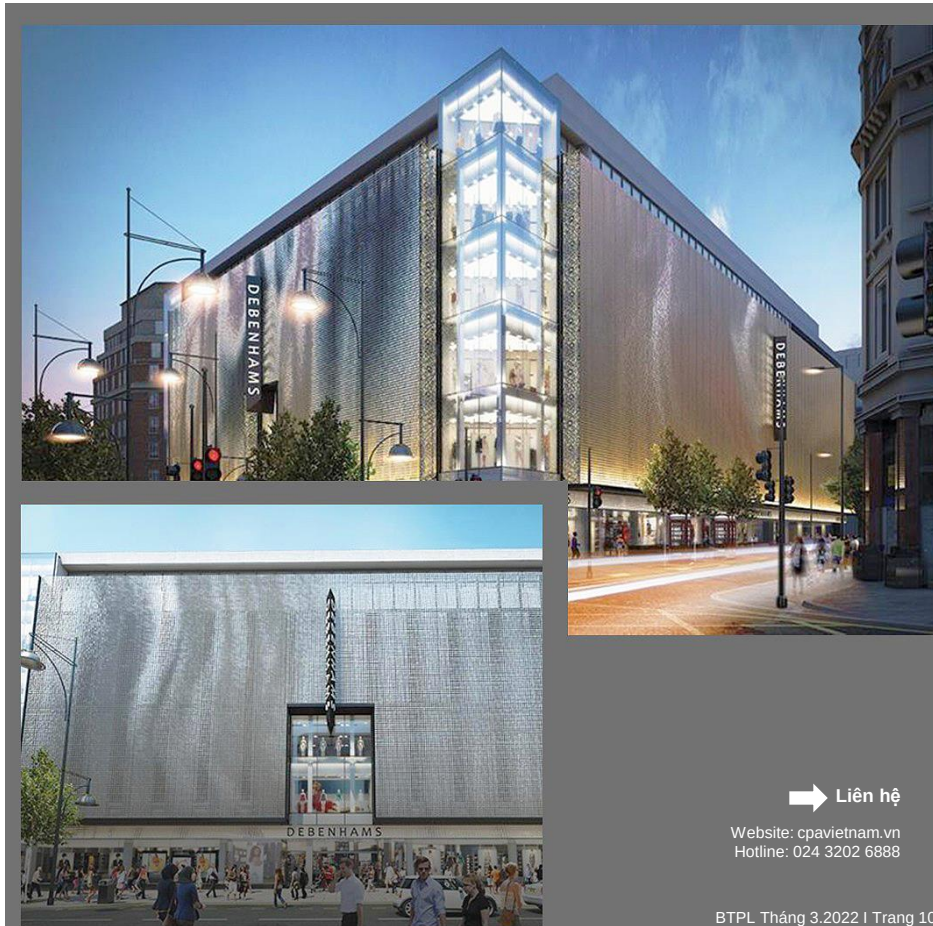
3. Các quy định về xử phạt vi phạm hành chính mới ban hành:

Chính phủ vừa ban hành một loạt các nghị định liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực, trong đó có một số văn bản đáng chú ý: - Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; - Nghị định số 129/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2022 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch, thể thao, quyền tác giả, quyền liên quan, văn hóa và quảng cáo; - Nghị định số 137/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2022 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược và trò chơi có thưởng;

- Nghị định số 143/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng; - Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước và khoáng sản, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ; - Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, bảo vệ và kiểm dịch thực

vật, thú ý, chăn nuôi; - Nghị định số 12/2022/NĐ-CP ngày 17/01/2022 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; - Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử; - Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng; - Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp, điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí; - Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BYT năm 2022 của Bộ Y tế ngày 24/01/2022 hợp nhất Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

...



Liên hệ

Website: cpavietnam.vn
Hotline: 024 3202 6888

1. Thông tư số 05/2022/TT-BTC ngày 08/2/2022 thay mới Quy chế tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước trước khi cổ phần hóa.

Ngày 08/02/2022 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 05/2022/TT-BTC hướng dẫn tái cơ cấu doanh nghiệp không đủ điều kiện cổ phần hóa và chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ, theo đó:

Thông tư quy định chi tiết về nguyên tắc, quy trình thủ tục, trách nhiệm của các bên tham gia vào hoạt động tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước để cổ phần hóa và hoạt động chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của DN có chức năng mua bán nợ.

Cần lưu ý, việc tái cơ cấu bằng phương bán mua bán nợ để cổ phần hóa quy định tại Thông tư này chỉ áp dụng với các doanh nghiệp nhà nước không đủ điều kiện cổ phần hóa do giá trị doanh nghiệp sau khi xác định lại thấp hơn các khoản nợ phải trả. Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ tham gia tái cơ cấu sẽ được chuyển nợ thành vốn góp cổ phần theo nguyên tắc thỏa thuận và được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trong phương án tái cơ cấu.

Cụ thể, trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên trả mức giá cao nhất bằng nhau và không thấp hơn giá khởi điểm thì:

Trong vòng tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức phiên đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu, doanh nghiệp mua bán nợ phối hợp với tổ chức đấu giá thực hiện bỏ phiếu kín trực tiếp giữa các nhà đầu tư.

So với hiện hành, bổ sung quy định về trường hợp khi tổ chức bỏ phiếu kín các nhà đầu tư tiếp tục trả giá bằng nhau thì tổ chức bốc thăm ngay để xác định nhà đầu tư trúng giá.

Đồng thời, trường hợp các nhà đầu tư trả giá cao nhất bằng nhau đều từ chối bỏ phiếu kín hoặc nhà đầu tư đã xác định trúng giá nhưng từ chối mua thì xác định cuộc đấu giá không thành công để chuyển sang phương thức chuyển nhượng khác.

Thông tư 05/2022/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/04/2022 thay thế Thông tư 69/2018/TT-BTC và Thông tư 50/2019/TT-BTC .

2. Thông tư số 07/2022/TT-BTC ngày 09/2/2022 về việc thay mới thủ tục bàn giao nợ và tài sản loại trừ của doanh nghiệp cổ phần hóa.

Ngày 09/02/2022 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 07/2022/TT-BTC về việc hướng dẫn bàn giao, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi chuyển đổi sở hữu DN, đơn vị sự nghiệp công lập và theo chỉ định của Chính phủ. Cụ thể như sau:

- Công ty Mua bán nợ thực hiện các hình thức xử lý nợ và tài sản loại trừ đã tiếp nhận theo quy định tại Nghị định 129/2020/NĐ-CP và Quy chế tài chính của Công ty, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch và phù hợp với các quy định hiện hành đối với từng hình thức xử lý nợ và tài sản.

Đối với tài sản là quyền sử dụng đất thì việc xử lý phải đảm bảo theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Đối với tài sản (bao gồm cả tài sản bảo đảm khoản nợ) có giá trị còn lại trên sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng trở lên, Công ty Mua bán nợ thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá để tổ chức bán tài sản theo phương thức đấu giá theo quy định.

- Đối với tài sản (bao gồm cả tài sản bảo đảm khoản nợ) có giá trị còn lại trên sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng, Công ty Mua bán nợ quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận theo giá không thấp hơn giá thị trường.

Trường hợp tài sản không có giao dịch trên thị trường thì Công ty Mua bán nợ thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá để làm cơ sở bán tài sản và chịu trách nhiệm về việc quyết định giá bán tài sản. Cần lưu ý, cũng như quy định cũ, trường hợp DN có thu hồi được nợ trước khi thực hiện bàn giao thì sau khi trừ đi chi phí phải nộp về Công ty Mua bán nợ.

Đối với các tài sản loại trừ, trước khi thực hiện bàn giao, DN không được tự xử lý khi chưa có văn bản chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu và Công ty Mua bán nợ. Nếu tự ý xử lý tài sản loại trừ, DN sẽ phải nộp toàn bộ số tiền đã thu về Công ty Mua bán nợ và không được trừ chi phí xử lý tài sản.

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 01/04/2022 và thay thế Thông tư số 55/2019/TT-BTC ngày 21/08/2019.

3. Thông tư số 09/2022/TT-BTC ngày 14/2/2022 về việc sửa đổi Quy chế thẩm định khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước.

Ngày 14/02/2022 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 09/2022/TT-BTC về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xem xét, thẩm tra, chấp thuận các khoản vay nợ nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ ban hành kèm theo Thông tư số 153/2014/TT-BTC ngày 20/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Theo đó:

Theo sửa đổi tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này, chỉ các khoản tự vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước mới phải xin Bộ Tài chính thẩm định, phê duyệt theo Quy chế ban hành tại Thông tư 153/2014/TT-BTC. Trước đó, đối tượng áp dụng bao gồm các khoản tự vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp do nhà nước sở hữu trên 50% vốn.

Về điều kiện thẩm định khoản vay nước ngoài, có sửa đổi, bổ sung một số điều kiện sau:

- Dự án sử dụng khoản vay nước ngoài phải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp, do doanh nghiệp làm chủ đầu tư và nằm trong kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm, kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm;
- Cơ quan đại diện chủ sở hữu đã phê duyệt chủ trương khoản vay nước ngoài;
- Bên cho vay đã có ý kiến bằng văn bản đồng ý cung cấp khoản vay nước ngoài;
- Tổng số nợ phải trả của doanh nghiệp (bao gồm cả giá trị các khoản bảo lãnh cho các công ty con vay vốn tại tổ chức tín dụng) không vượt quá 3 lần vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Nếu huy động vốn trên mức quy định này thì phải được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt. Hồ sơ, nội dung, thời hạn thẩm định, phê duyệt khoản vay nước ngoài cũng có một số điều chỉnh so với trước. Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/04/2022.

4. Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28/2/2022 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/1/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ.

Ngày 28/02/2022 Bộ tài chính ban hành. Thông tư số 13/2022/TTBTC quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ, cụ thể:

Thông tư quy định chi tiết Nghị định số 10/2022/NĐ-CP về: đối tượng chịu lệ phí trước bạ; đối tượng miễn lệ phí trước bạ; giá tính và mức thu lệ phí trước bạ.

Theo đó, về đối tượng miễn lệ phí trước bạ, Thông tư quy định rõ tài sản hợp nhất của vợ chồng sau khi kết hôn hoặc tài sản phân chia khi ly hôn theo bản án của tòa cũng sẽ được miễn phí trước bạ.

Về giá tính phí trước bạ, Thông tư đã quy định rõ giá tính phí trước bạ đối với nhà chung cư và trường hợp mua bán nhà đất nhưng hợp đồng không tách riêng phần giá trị nhà và giá trị đất.

Cụ thể, đối với nhà chung cư, giá tính phí trước bạ là giá không bao gồm kinh phí bảo trì phần sở hữu chung. Tuy nhiên, nếu trên hợp đồng mua bán và hóa đơn không tách riêng phần kinh phí này thì phải chịu phí trước bạ trên tổng giá trị hợp đồng.

Đối với trường hợp mua bán nhà, đất nhưng hợp đồng không tách riêng phần giá trị nhà và giá trị đất, nếu tổng giá trị nhà, đất tại hợp đồng mua bán cao hơn tổng giá trị nhà, đất theo giá quy định của UBND tỉnh thì căn cứ theo giá hợp đồng để tính phí trước bạ. Ngược lại, nếu tổng giá trị nhà, đất tại hợp đồng mua bán thấp hơn tổng giá trị nhà, đất theo giá của UBND tỉnh thì phải căn cứ giá của UBND tỉnh để tính phí trước bạ.

(So với trước đây, không quy định hướng dẫn đối với đất kèm theo nhà thuộc sở hữu nhà nước bán cho người đang thuê, đất được nhà nước giao theo hình thức đấu thầu, đấu giá).

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/03/2022. Bãi bỏ Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 và Thông tư số 20/2019/TT-BTC ngày 09/4/2019.



Trụ sở chính

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building, 235
Nguyễn Trãi, Q. Thanh
Xuân, TP. Hà Nội.

Tel : 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122



VP. Đại diện

Tầng 16, Tòa nhà T01-
C37 Bắc Hà, đường Tố
Hữu, Q.Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội.

Tel : 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368



CN. Miền Nam

Tầng 4, Tòa nhà Hoàng
Anh Safomec, 7/1 Thành
Thái, P.14, Q.10, TP. Hồ
Chí Minh.

Tel : 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959



CN. Miền Bắc

Số 97 Trần Quốc Toàn,
phườngTrần Hưng Đạo,
quận Hoàn Kiếm,TP. Hà
Nội.

Tel : 024 7306 1268

Fax: 024 7306 1269

